

**UBND THỊ XÃ AN NHƠN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
VÀ PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

An Nhơn, ngày 05 tháng 10 năm 2022

Số: 380/BQLDA ĐTXD&PTQĐ

Về việc đăng tải công khai trên
Trang Thông tin điện tử về thông báo đấu
giá quyền sử dụng đất tại các Khu quy
hoạch dân cư trên địa bàn thị xã An Nhơn

SỞ TƯ PHÁP

ĐẾN Số: 7.199
Ngày: 05/10/2022
huyện:
Số và ký hiệu HS:

Kính gửi:

- Sở Tài chính Bình Định;
- Sở Tư pháp Bình Định.

Căn cứ Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 31/2022/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của UBND tỉnh Bình Định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của UBND tỉnh Bình Định;

Căn cứ Văn bản số 2345/STC-QLGCS ngày 27/9/2018 của Sở Tài chính Bình Định về việc cung cấp thông tin về thông báo đấu giá quyền sử dụng đất để đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính;

Căn cứ Văn bản số 1092/STP-BTTP ngày 18/12/2018 của Sở Tư pháp Bình Định về việc cung cấp thông tin về thông báo đấu giá quyền sử dụng đất để đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp;

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn đã thông báo đấu giá quyền sử dụng đất theo Văn bản số 236/BQLDAĐTXD&PTQĐ, ngày 04/7/2022 về việc đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử về thông báo đấu giá quyền sử dụng đất ở tại các Khu, Điểm quy hoạch dân cư trên địa bàn thị xã An Nhơn. Qua 03 phiên đấu giá quyền sử dụng đất tại Khu quy hoạch dân cư xã Nhơn Khánh và xã Nhơn Mỹ, giá trúng đấu giá vượt cao hơn so với giá khởi điểm đã được phê duyệt, UBND thị xã An Nhơn có Văn bản tạm dừng đấu giá quyền sử dụng đất đối với các lô đất tại Khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ và Khu dân cư nông thôn xóm 02, thôn An Hoà, xã Nhơn Khánh để xác định lại giá khởi điểm phù hợp với giá đất trên thị trường.

Đến nay, UBND thị xã đã phê duyệt Quyết định số 7725/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 của UBND thị xã An Nhơn về việc phê duyệt điều chỉnh giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn tiếp tục thông báo tổ chức, thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất đối với 58 lô đất ở tại xã Nhơn Mỹ và xã Nhơn Khánh theo, cụ thể như sau:

1. Số lượng lô đất và địa chỉ lô đất:

- 29 lô đất ở Khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;
- 29 lô đất ở Khu dân cư nông thôn xóm 02, thôn An Hoà, xã Nhơn Khánh, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định;

2. Ký hiệu, vị trí, lộ giới, diện tích, giá khởi điểm, khoản tiền đặt trước, tiền hồ sơ tham gia đấu giá và bước giá của từng lô đất: Có bảng kê lập kèm theo

3. Tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất: Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương, địa chỉ: Lô DC 1a-13 Nguyễn Thị Định, phường Nguyễn Văn Cừ, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (Website: www.daugiataisandongduong.com).

4. Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá:

a. Cuộc đấu giá quyền sử dụng đất và công bố vào ngày 23/10/2022, gồm 14 lô đất, trong đó: Khu dân cư nông thôn xóm 02, thôn An Hoà, xã Nhơn Khánh - 07 lô (Khu C), gồm: Từ lô số C15 đến lô số C21 và Khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ - 07 lô (Khu C), gồm: Lô số 01; Từ lô số 8 đến lô số 13; cụ thể như sau:

- Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: Liên tục kể từ ngày niêm yết đến 15 giờ ngày 20/10/2022 tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương;

- Thời gian đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn): Từ 07 giờ 30 phút ngày 20/10/2022 đến 16 giờ ngày 20/10/2022;

- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến trước 16 giờ ngày 20/10/2022;

- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày 23/10/2022 tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn).

b. Cuộc đấu giá quyền sử dụng đất và công bố vào ngày 30/10/2022, gồm 14 lô đất, trong đó: Khu dân cư nông thôn xóm 02, thôn An Hoà, xã Nhơn Khánh - 07 lô (Khu C), gồm: Từ lô số C22 đến lô số C28 và Khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ - 07 lô (Khu C), gồm: Từ lô số 14 đến lô số 20; Các lô đất còn lại thuộc các Khu dân cư do không có người tham gia đấu giá của phiên đấu giá ngày 23/10/2022; cụ thể như sau:

- Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: Liên tục kể từ ngày niêm yết đến 15 giờ ngày 27/10/2022 tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương;

- Thời gian đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn): Từ 07 giờ 30 phút ngày 27/10/2022 đến 16 giờ ngày 27/10/2022;

- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến trước 16 giờ ngày 27/10/2022;

- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày 30/10/2022 tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn).

c. Cuộc đấu giá quyền sử dụng đất và công bố vào ngày 06/11/2022, gồm 14 lô đất, trong đó: Khu dân cư nông thôn xóm 02, thôn An Hoà, xã Nhơn Khánh - 07 lô (Khu C), gồm: Từ lô số C29 đến lô số C35 và Khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ - 07 lô (Khu C), gồm: Từ lô số 21 đến lô số 27; Các lô đất còn lại thuộc các Khu dân cư do không có người tham gia đấu giá của phiên đấu giá ngày 30/10/2022; cụ thể như sau:

- Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: Liên tục kể từ ngày niêm yết đến 15 giờ ngày 03/11/2022 tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương;

- Thời gian đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn): Từ 07 giờ 30 phút ngày 03/11/2022 đến 16 giờ ngày 03/11/2022;

- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến trước 16 giờ ngày 03/11/2022;
- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày 06/11/2022 tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn).

d. Cuộc đấu giá quyền sử dụng đất và công bố vào ngày 13/11/2022, gồm 16 lô đất, cụ thể: Khu dân cư nông thôn xóm 02, thôn An Hoà, xã Nhơn Khánh - 08 lô (Khu C), gồm: Từ lô số C36 đến lô số C43 và Khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ - 08 lô; Trong đó: Khu A - 05 lô, gồm: Từ lô số 04 đến lô số 08; Khu C - 03 lô, gồm: Từ lô số 28 đến lô số 30; Các lô đất còn lại thuộc các Khu dân cư do không có người tham gia đấu giá của phiên đấu giá ngày 06/11/2022; cụ thể như sau:

- Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: Liên tục kể từ ngày niêm yết đến 15 giờ ngày 10/11/2022 tại Trụ sở Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương;

- Thời gian đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn): Từ 07 giờ 30 phút ngày 10/11/2022 đến 16 giờ ngày 10/11/2022;

- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến trước 16 giờ ngày 10/11/2022;
- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút ngày 13/11/2022 tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn).

e. Cuộc đấu giá quyền sử dụng đất ở và công bố giá vào các ngày chủ nhật hàng tuần sau ngày 13/11/2022 (Các lô đất còn lại thuộc các Khu dân cư nêu trên do không có người tham gia đấu giá), cụ thể như sau:

- Thời gian, địa điểm đăng ký tham gia đấu giá và nộp phiếu trả giá: liên tục đến 16 giờ ngày thứ 5 hàng tuần tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn);

- Thời gian nộp khoản tiền đặt trước: Đến trước 16 giờ ngày thứ 5 hàng tuần;
- Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá và công bố giá: Bắt đầu lúc 07 giờ ngày chủ nhật hàng tuần tại Trụ sở khu vực Minh Khai, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Bình Định, thị xã An Nhơn (Gần công viên nước An Nhơn).

Để tổ chức, thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất ở đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn kính đề nghị Sở Tài chính và Sở Tư pháp Bình Định đăng tải công khai trên Trang thông tin điện tử của Sở Tài chính và Sở Tư pháp Bình Định.

(Cụ thể có bảng kê Thông báo đấu giá và hồ sơ pháp lý kèm theo)

Rất mong sự phối hợp thực hiện của quý Sở để Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định.

Địa chỉ liên hệ: Số 75 đường Lê Hồng Phong, phường Bình Định, thị xã An Nhơn;
Điện thoại: 0256.3735.456) / *[chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



GIÁM ĐỐC

[Chữ ký]
Nguyễn Thanh Hồng

**UBND THỊ XÃ AN NHƠN .
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
VÀ PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢNG KÊ CÁC LÔ ĐẤT THÔNG BÁO ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI ĐỊA BÀN THỊ XÃ AN NHƠN**

(Kèm theo Công văn số: 380/BQLĐAĐTXD&PTQĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2022
của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn)

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Điều chỉnh giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Khu dân cư nông thôn xóm 2, thôn An Hòa, xã Nhơn Khánh (Khu C)										
1	C15	110,00	Đường QH ĐS3	14,0	7.700.000	847.000.000	160.000.000	500.000	43.000.000	
2	C16	110,00	"	"	7.700.000	847.000.000	160.000.000	500.000	43.000.000	
3	C17	110,00	"	"	7.700.000	847.000.000	160.000.000	500.000	43.000.000	
4	C18	110,00	"	"	7.000.000	770.000.000	150.000.000	500.000	39.000.000	
5	C19	110,00	"	"	7.000.000	770.000.000	150.000.000	500.000	39.000.000	
6	C20	110,00	"	"	7.000.000	770.000.000	150.000.000	500.000	39.000.000	
7	C21	120,00	"	"	7.000.000	840.000.000	160.000.000	500.000	42.000.000	
8	C22	120,00	"	"	7.000.000	840.000.000	160.000.000	500.000	42.000.000	
9	C23	120,00	"	"	7.000.000	840.000.000	160.000.000	500.000	42.000.000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Điều chỉnh giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
10	C24	120,00	"	"	7.000.000	840.000.000	160.000.000	500.000	42.000.000	
11	C25	120,00	"	"	7.000.000	840.000.000	160.000.000	500.000	42.000.000	
12	C26	120,00	"	"	7.000.000	840.000.000	160.000.000	500.000	42.000.000	
13	C27	120,00	"	"	7.000.000	840.000.000	160.000.000	500.000	42.000.000	
14	C28	120,00	"	"	7.000.000	840.000.000	160.000.000	500.000	42.000.000	
15	C29	120,00	"	"	7.000.000	840.000.000	160.000.000	500.000	42.000.000	
16	C30	112,00	"	"	7.700.000	862.400.000	170.000.000	500.000	44.000.000	Lô góc
17	C31	112,00	Đường QH ĐS2	14,0	8.470.000	948.640.000	180.000.000	500.000	48.000.000	Lô góc
18	C32	120,00	"	"	7.700.000	924.000.000	180.000.000	500.000	47.000.000	
19	C33	120,00	"	"	7.700.000	924.000.000	180.000.000	500.000	47.000.000	
20	C34	120,00	"	"	7.700.000	924.000.000	180.000.000	500.000	47.000.000	
21	C35	120,00	"	"	7.700.000	924.000.000	180.000.000	500.000	47.000.000	
22	C36	120,00	"	"	7.700.000	924.000.000	180.000.000	500.000	47.000.000	
23	C37	120,00	"	"	7.700.000	924.000.000	180.000.000	500.000	47.000.000	
24	C38	120,00	"	"	8.000.000	960.000.000	190.000.000	500.000	48.000.000	

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Điều chỉnh giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đất trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
25	C39	120,00	"	"	8.000.000	960.000.000	190.000.000	500.000	48.000.000	
26	C40	120,00	"	"	8.000.000	960.000.000	190.000.000	500.000	48.000.000	
27	C41	110,00	"	"	8.000.000	880.000.000	170.000.000	500.000	44.000.000	
28	C42	110,00	"	"	8.000.000	880.000.000	170.000.000	500.000	44.000.000	
29	C43	110,00	"	"	8.000.000	880.000.000	170.000.000	500.000	44.000.000	
Cộng		3.374,00	-	-	-	25.286.040.000	4.880.000.000	-	-	

Khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Trảng, xã Nhơn Mỹ (Khu A)

30	4	110,30	Đường QH DS1	20,0	8.800.000	970.640.000	190.000.000	500.000	49.000.000	Lô góc
31	5	120,30	"	"	8.000.000	962.400.000	190.000.000	500.000	49.000.000	
32	6	122,10	"	"	8.000.000	976.800.000	190.000.000	500.000	49.000.000	
33	7	123,90	"	"	8.000.000	991.200.000	190.000.000	500.000	50.000.000	
34	8	125,70	"	"	8.000.000	1.005.600.000	200.000.000	500.000	51.000.000	
Cộng		602,30	-	-	-	4.906.640.000	960.000.000	-	-	

Khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Trảng, xã Nhơn Mỹ (Khu C)

35	1	109,10	Đường QH DS2	14,0	6.600.000	720.060.000	140.000.000	500.000	37.000.000	Lô góc
----	---	--------	--------------	------	-----------	-------------	-------------	---------	------------	--------

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Điều chỉnh giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
36	8	132,00	Đường QH DS4	14,0	6.000.000	792.000.000	150.000.000	500.000	40.000.000	
37	9	132,00	"	"	6.000.000	792.000.000	150.000.000	500.000	40.000.000	
38	10	132,00	"	"	6.000.000	792.000.000	150.000.000	500.000	40.000.000	
39	11	132,00	"	"	6.000.000	792.000.000	150.000.000	500.000	40.000.000	
40	12	132,00	"	"	6.000.000	792.000.000	150.000.000	500.000	40.000.000	
41	13	132,00	"	"	6.000.000	792.000.000	150.000.000	500.000	40.000.000	
42	14	132,00	"	"	6.000.000	792.000.000	150.000.000	500.000	40.000.000	
43	15	132,00	"	"	6.000.000	792.000.000	150.000.000	500.000	40.000.000	
44	16	134,50	Đường QH DS7	14,0	6.600.000	887.700.000	170.000.000	500.000	45.000.000	Lô góc
45	17	122,40	"	"	5.800.000	709.920.000	140.000.000	500.000	36.000.000	
46	18	122,40	"	"	5.800.000	709.920.000	140.000.000	500.000	36.000.000	
47	19	122,40	"	"	5.800.000	709.920.000	140.000.000	500.000	36.000.000	
48	20	122,40	"	"	5.800.000	709.920.000	140.000.000	500.000	36.000.000	
49	21	122,40	"	"	5.800.000	709.920.000	140.000.000	500.000	36.000.000	
50	22	134,50	"	"	6.380.000	858.110.000	170.000.000	500.000	43.000.000	Lô góc

STT	Kí hiệu lô đất	Diện tích (m ²)	Vị trí	Lộ giới (m)	Điều chỉnh giá khởi điểm được UBND thị xã phê duyệt (đ/m ²)	Thành tiền (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ tham gia đấu giá (đồng)	Bước giá (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
51	23	132,00	Đường QH DS5	14,0	5.300.000	699.600.000	130.000.000	500.000	35.000.000	
52	24	132,00	"	"	5.300.000	699.600.000	130.000.000	500.000	35.000.000	
53	25	132,00	"	"	5.300.000	699.600.000	130.000.000	500.000	35.000.000	
54	26	132,00	"	"	5.300.000	699.600.000	130.000.000	500.000	35.000.000	
55	27	132,00	"	"	5.300.000	699.600.000	130.000.000	500.000	35.000.000	
56	28	132,00	"	"	5.300.000	699.600.000	130.000.000	500.000	35.000.000	
57	29	132,00	"	"	5.300.000	699.600.000	130.000.000	500.000	35.000.000	
58	30	132,00	"	"	5.300.000	699.600.000	130.000.000	500.000	35.000.000	
Cộng		3.102,10	-	-	-	17.948.270.000	3.420.000.000	-	-	
Tổng cộng		7.078,40	-	-	-	48.140.950.000	9.260.000.000	-	-	

Người lập



Trần Đạt Nhân

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Hồng

UBND THỊ XÃ AN NHƠN
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐTXD
VÀ PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số : 369/BQLDAĐTXD&PTQĐ

An Nhơn, ngày 29 tháng 9 năm 2022

Về việc thông báo đấu giá quyền sử dụng
đất ở tại Khu dân cư nông thôn xóm 2, thôn An Hoà,
xã Nhơn Khánh và Khu dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ.

Kính gửi: Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương.

Căn cứ Quyết định số 7725/QĐ-UBND, ngày 26/9/2022 của Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn về việc phê duyệt điều chỉnh giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất.

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn đề nghị Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương Thông báo đấu giá quyền sử dụng đất ở thuộc Khu dân cư nông thôn xóm 2, thôn An Hoà, xã Nhơn Khánh và Khu dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ, cụ thể như sau:

1. Khu dân cư nông thôn xóm 2, thôn An Hoà, xã Nhơn Khánh – 29 lô đất, với tổng diện tích đất là 3.374,0m², trong đó:

- Từ lô số C15 đến lô số C17, giá phê duyệt điều chỉnh là 7.700.000 đ/m²;
- Từ lô số C18 đến lô số C30, giá phê duyệt điều chỉnh là 7.000.000 đ/m²;
- Từ lô số C31 đến lô số C37, giá phê duyệt điều chỉnh là 7.700.000 đ/m²;
- Từ lô số C38 đến lô số C43, giá phê duyệt điều chỉnh là 8.000.000 đ/m²;

2. Khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ - 29 lô đất, với tổng diện tích đất là 3.704,4m², trong đó:

- Khu A – 05 lô đất gồm: Từ lô số 04 đến lô số 08, giá phê duyệt điều chỉnh là 8.000.000 đ/m²;
- Khu C – 24 lô đất gồm: Lô số 01, từ lô số 08 đến lô số 16, giá phê duyệt điều chỉnh là 6.000.000 đ/m²; Từ lô số 17 đến lô số 22, giá phê duyệt điều chỉnh là 5.800.000 đ/m² và từ lô số 23 đến lô số 30, giá phê duyệt điều chỉnh là 5.300.000 đ/m²;

(Cụ thể có đính kèm Quyết định số 7725/QĐ-UBND, ngày 26/9/2022 của Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn kèm theo)

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn đề nghị Công ty đấu giá hợp danh Đông Dương Thông báo đấu giá quyền sử dụng đất và thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất ở các lô đất thuộc 02 Khu dân cư nêu trên đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND thị xã An Nhơn (thay B/c);
- Phòng TC-KH thị xã (để phối hợp);
- Phòng TN-MT thị xã (để phối hợp);
- UBND xã Nhơn Khánh và Nhơn Mỹ (để biết);
- Lưu VT và bộ phận PTQĐ.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Hồng

Số :7725 /QĐ-UBND

An Nhơn, ngày 26 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ AN NHƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Nghị định của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 17/8/2018 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Quy định về đấu giá quyền sử dụng đất để Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh Bình Định Ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 88/2020/QĐ-UBND ngày 18/12/2020 của UBND tỉnh Bình Định Ban hành sửa đổi, bổ sung bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 81/2021/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của UBND tỉnh Bình Định Ban hành sửa đổi, bổ sung bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 6225/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND thị xã An Nhơn về việc kiện toàn Hội đồng thẩm định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 5011/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của UBND thị xã An Nhơn về việc đấu giá quyền sử dụng đất ở;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất tại Tờ trình số 765/TTr-BQLĐAĐT XD&PTQĐ ngày 08/9/2022 và Hội đồng thẩm định giá đất tại Thông báo số 16/TB-HĐTDGD ngày 14/9/2022,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất ở để giao đất có thu tiền sử dụng đất tại Khu quy hoạch dân cư trên địa bàn các xã Nhơn Mỹ và Nhơn Khánh đã được phê duyệt đấu giá quyền sử dụng đất ở tại các Quyết định số 5011/QĐ-UBND ngày 03/6/2022 của UBND thị xã An Nhơn.

(Cụ thể có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và phát triển quỹ đất thị xã An Nhơn thuê đơn vị tư vấn tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất ở theo quy định, Chi cục thuế An Nhơn thông báo người trúng đấu nộp tiền sử dụng đất theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND & UBND thị xã, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng Phòng Quản lý đô thị, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thị xã, Chi cục trưởng Chi cục thuế thị xã An Nhơn, Giám đốc Kho bạc nhà nước thị xã An Nhơn, Chủ tịch UBND xã: Nhơn Mỹ và Nhơn Khánh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

(Quyết định này điều chỉnh, thay thế một phần của Quyết định số 5596/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND thị xã An Nhơn)

Nơi nhận :

- Như Điều 3;
- CT. UBND TX;
- Lưu: VT



Lê Thanh Tùng

**BẢNG KÊ PHÉ DUYỆT ĐIỀU CHỈNH GIÁ KHỞI ĐIỂM ĐỀ DẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT Ở
TẠI ĐỊA BÀN THỊ XÃ AN NHƠN NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số

/QĐ-UBND ngày

/9/2022 của UBND thị xã An Nhơn)

STT	Khu dân cư xã, phường	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m2)	Vị trí đường	Lộ giới (m)	Giá đất tại Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND, QĐ số 88/2020/QĐ - UBND và QĐ số 81/2021/QĐ-UBND x hệ số điều chỉnh (k)		Chi phí đầu tư	Giá khởi điểm Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ, địa phương đề nghị	Giá khởi điểm HĐĐGBĐ	Giá khởi điểm phê duyệt đợt này		Ghi chú
						(đồng/m2)	(đồng/lô)				(đồng/m2)	(đồng/m2)	
TỔNG CỘNG			7.078,40				3.527.044.785	11.823.028.893				48.140.950.000	
A	XÃ NHƠN KHÁNH		3.374,00				1.868.020.000	8.019.228.728				25.286.040.000	
I	Khu dân cư nông thôn xóm 2, thôn An Hòa		3.374,00				1.868.020.000	8.019.228.728				25.286.040.000	
1	Khu C		3.374,00				1.868.020.000	8.019.228.728				25.286.040.000	
1.1	"	C15	110,00	Đường DS3	14,0	550.000	60.500.000	2.376.772	7.700.000	7.700.000	7.700.000	847.000.000	
1.2	"	C16	110,00	"	"	550.000	60.500.000	2.376.772	7.700.000	7.700.000	7.700.000	847.000.000	
1.3	"	C17	110,00	"	"	550.000	60.500.000	2.376.772	7.700.000	7.700.000	7.700.000	847.000.000	
1.4	"	C18	110,00	"	"	550.000	60.500.000	2.376.772	7.000.000	7.000.000	7.000.000	770.000.000	
1.5	"	C19	110,00	"	"	550.000	60.500.000	2.376.772	7.000.000	7.000.000	7.000.000	770.000.000	
1.6	"	C20	110,00	"	"	550.000	60.500.000	2.376.772	7.000.000	7.000.000	7.000.000	770.000.000	
1.7	"	C21	120,00	"	"	550.000	66.000.000	2.376.772	7.000.000	7.000.000	7.000.000	840.000.000	

1.8	"	C22	120,00	"	"	550.000	66.000.000	2.376.772	7.000.000	7.000.000	7.000.000	840.000.000	
1.9	"	C23	120,00	"	"	550.000	66.000.000	2.376.772	7.000.000	7.000.000	7.000.000	840.000.000	
1.10	"	C24	120,00	"	"	550.000	66.000.000	2.376.772	7.000.000	7.000.000	7.000.000	840.000.000	
1.11	"	C25	120,00	"	"	550.000	66.000.000	2.376.772	7.000.000	7.000.000	7.000.000	840.000.000	
1.12	"	C26	120,00	"	"	550.000	66.000.000	2.376.772	7.000.000	7.000.000	7.000.000	840.000.000	
1.13	"	C27	120,00	"	"	550.000	66.000.000	2.376.772	7.000.000	7.000.000	7.000.000	840.000.000	
1.14	"	C28	120,00	"	"	550.000	66.000.000	2.376.772	7.000.000	7.000.000	7.000.000	840.000.000	
1.15	"	C29	120,00	"	"	550.000	66.000.000	2.376.772	7.000.000	7.000.000	7.000.000	840.000.000	
1.16	"	C30	112,00	"	"	605.000	67.760.000	2.376.772	7.700.000	7.700.000	7.700.000	862.400.000	Lô gốc
1.17	"	C31	112,00	Đường QH DS2	14,0	605.000	67.760.000	2.376.772	8.470.000	8.470.000	8.470.000	948.640.000	Lô gốc
1.18	"	C32	120,00	"	"	550.000	66.000.000	2.376.772	7.700.000	7.700.000	7.700.000	924.000.000	
1.19	"	C33	120,00	"	"	550.000	66.000.000	2.376.772	7.700.000	7.700.000	7.700.000	924.000.000	
1.20	"	C34	120,00	"	"	550.000	66.000.000	2.376.772	7.700.000	7.700.000	7.700.000	924.000.000	
1.21	"	C35	120,00	"	"	550.000	66.000.000	2.376.772	7.700.000	7.700.000	7.700.000	924.000.000	
1.22	"	C36	120,00	"	"	550.000	66.000.000	2.376.772	7.700.000	7.700.000	7.700.000	924.000.000	
1.23	"	C37	120,00	"	"	550.000	66.000.000	2.376.772	7.700.000	7.700.000	7.700.000	924.000.000	
1.24	"	C38	120,00	"	"	550.000	66.000.000	2.376.772	8.000.000	8.000.000	8.000.000	960.000.000	
1.25	"	C39	120,00	"	"	550.000	66.000.000	2.376.772	8.000.000	8.000.000	8.000.000	960.000.000	
1.26	"	C40	120,00	"	"	550.000	66.000.000	2.376.772	8.000.000	8.000.000	8.000.000	960.000.000	
1.27	"	C41	110,00	"	"	550.000	60.500.000	2.376.772	8.000.000	8.000.000	8.000.000	880.000.000	
1.28	"	C42	110,00	"	"	550.000	60.500.000	2.376.772	8.000.000	8.000.000	8.000.000	880.000.000	

1.29	"	C43	110,00	"	"	550.000	60.500.000	2.376.772	8.000.000	8.000.000	8.000.000	880.000.000	
B	XÃ NHƠN MỸ		3.704,40				1.659.024.785	3.803.800.165				22.854.910.000	
I	Khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Trảng		3.704,40				1.659.024.785	3.803.800.165				22.854.910.000	
1	Khu A		602,30				674.663.000	618.461.516				4.906.640.000	
1.1	"	4	110,30	Đường DS1	20,0	1.210.000	133.463.000	1.026.833	8.800.000	8.800.000	8.800.000	970.640.000	Lô góc
1.2	"	5	120,30	"	"	1.100.000	132.330.000	1.026.833	8.000.000	8.000.000	8.000.000	962.400.000	
1.3	"	6	122,10	"	"	1.100.000	134.310.000	1.026.833	8.000.000	8.000.000	8.000.000	976.800.000	
1.4	"	7	123,90	"	"	1.100.000	136.290.000	1.026.833	8.000.000	8.000.000	8.000.000	991.200.000	
1.5	"	8	125,70	"	"	1.100.000	138.270.000	1.026.833	8.000.000	8.000.000	8.000.000	1.005.600.000	
2	Khu C		3.102,10				984.361.785	3.185.338.649				17.948.270.000	
2.1	"	1	109,10	Đường DS2	14,0	344.850	37.623.135	1.026.833	6.600.000	6.600.000	6.600.000	720.060.000	Lô góc
2.2	"	8	132,00	Đường DS4	14,0	313.500	41.382.000	1.026.833	6.000.000	6.000.000	6.000.000	792.000.000	
2.3	"	9	132,00	"	"	313.500	41.382.000	1.026.833	6.000.000	6.000.000	6.000.000	792.000.000	
2.4	"	10	132,00	"	"	313.500	41.382.000	1.026.833	6.000.000	6.000.000	6.000.000	792.000.000	
2.5	"	11	132,00	"	"	313.500	41.382.000	1.026.833	6.000.000	6.000.000	6.000.000	792.000.000	
2.6	"	12	132,00	"	"	313.500	41.382.000	1.026.833	6.000.000	6.000.000	6.000.000	792.000.000	
2.7	"	13	132,00	"	"	313.500	41.382.000	1.026.833	6.000.000	6.000.000	6.000.000	792.000.000	
2.8	"	14	132,00	"	"	313.500	41.382.000	1.026.833	6.000.000	6.000.000	6.000.000	792.000.000	
2.9	"	15	132,00	"	"	313.500	41.382.000	1.026.833	6.000.000	6.000.000	6.000.000	792.000.000	
2.10	"	16	134,50	Đường DS7	14,0	344.850	46.382.325	1.026.833	6.600.000	6.600.000	6.600.000	887.700.000	Lô góc
2.11	"	17	122,40	"	"	313.500	38.372.400	1.026.833	5.800.000	5.800.000	5.800.000	709.920.000	

2.12	"	18	122,40	"	"	313.500	38.372.400	1.026.833	5.800.000	5.800.000	5.800.000	709.920.000	
2.13	"	19	122,40	"	"	313.500	38.372.400	1.026.833	5.800.000	5.800.000	5.800.000	709.920.000	
2.14	"	20	122,40	"	"	313.500	38.372.400	1.026.833	5.800.000	5.800.000	5.800.000	709.920.000	
2.15	"	21	122,40	"	"	313.500	38.372.400	1.026.833	5.800.000	5.800.000	5.800.000	709.920.000	
2.16	"	22	134,50	"	"	344.850	46.382.325	1.026.833	6.380.000	6.380.000	6.380.000	858.110.000	Lô góc
2.17	"	23	132,00	Đường DS5	14,0	313.500	41.382.000	1.026.833	5.300.000	5.300.000	5.300.000	699.600.000	
2.18	"	24	132,00	"	"	313.500	41.382.000	1.026.833	5.300.000	5.300.000	5.300.000	699.600.000	
2.19	"	25	132,00	"	"	313.500	41.382.000	1.026.833	5.300.000	5.300.000	5.300.000	699.600.000	
2.20	"	26	132,00	"	"	313.500	41.382.000	1.026.833	5.300.000	5.300.000	5.300.000	699.600.000	
2.21	"	27	132,00	"	"	313.500	41.382.000	1.026.833	5.300.000	5.300.000	5.300.000	699.600.000	
2.22	"	28	132,00	"	"	313.500	41.382.000	1.026.833	5.300.000	5.300.000	5.300.000	699.600.000	
2.23	"	29	132,00	"	"	313.500	41.382.000	1.026.833	5.300.000	5.300.000	5.300.000	699.600.000	
2.24	"	30	132,00	"	"	313.500	41.382.000	1.026.833	5.300.000	5.300.000	5.300.000	699.600.000	

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư nông thôn xóm 2, thôn An Hòa, xã Nhơn Khánh, thị xã An Nhơn.

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 32/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 14: 2009/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/03/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 4252/QĐ-UBND ngày 14/11/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung đô thị An Nhơn, tỉnh Bình Định đến năm 2035;

Căn cứ Kết luận số 471-KL/TU ngày 01/4/2020 của Ban Thường vụ Thị ủy (Khóa XXIII) tại Hội nghị lần thứ 94 cho ý kiến về Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư nông thôn xóm 2, thôn An Hòa, xã Nhơn Khánh;

Căn cứ Quyết định số 4681/QĐ-UBND ngày 04/7/2019 của UBND thị xã An Nhơn về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và dự toán chi phí quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư nông thôn xóm 2, thôn An Hòa, xã Nhơn Khánh, thị xã An Nhơn;

Căn cứ Văn bản số 1047/UBND ngày 03/11/2017 của UBND thị xã An Nhơn về việc cho chủ trương lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 các khu dân cư nông thôn xã Nhơn Khánh năm 2018;

Căn cứ Văn bản số 1268/UBND ngày 03/12/2018 của UBND thị xã An Nhơn về việc chủ trương mở rộng thêm diện tích lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư nông thôn xóm 2, thôn An Hòa, xã Nhơn Khánh;

Xét đề nghị của UBND xã Nhơn Khánh tại Tờ trình số 47/TTr-UBND ngày 20/5/2020 về việc đề nghị thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư nông thôn xóm 2, thôn An Hòa, xã Nhơn Khánh và đề nghị của Phòng Quản lý đô thị thị xã tại Kết quả thẩm định số 09/TĐ -QH ngày 25/5/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư nông thôn xóm 2, thôn An Hòa, xã Nhơn Khánh, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình QHXD: Khu dân cư nông thôn xóm 2, thôn An Hòa, xã Nhơn Khánh.

2. Phạm vi ranh giới xây dựng:

- Đông giáp: Khu dân cư hiện trạng và đất lúa;
- Tây giáp: Đất lúa và phân hiệu tiểu học An Hòa;
- Nam giáp: Đất lúa;
- Bắc giáp: Đường ĐT 636.

3. Quy mô quy hoạch xây dựng:

Quy hoạch xây dựng : 63.508,80m² , dân số dự kiến 764 người.

4. Mục tiêu QHXD:

- Quy hoạch chi tiết 1/500 Khu dân cư nông thôn xóm 2, thôn An Hòa, xã Nhơn Khánh nhằm cụ thể hóa đồ án quy hoạch chung xã nông thôn mới xã Nhơn Khánh đã được UBND thị xã phê duyệt; phát triển quỹ đất ở mới, giải quyết nhu cầu đất ở cho người dân địa phương; đồng thời tạo nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xã nông thôn mới.

- Làm cơ sở để quản lý xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt...

5. Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất:

TT	TÊN LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH	ĐƠN VỊ	TỶ LỆ (%)
I	Đất phân lô (191 lô)	23.204,00	m ²	36,54
1	Khu A (23 lô)	2.930,80	m ²	
2	Khu B (28 lô)	3.312,00	m ²	
3	Khu C (54 lô)	6.248,00	m ²	
4	Khu D (54 lô)	6.248,00	m ²	
5	Khu E (24 lô)	3.136,00	m ²	
6	Khu F (08 lô)	1.329,20	m ²	
II	Đất giao thông	32.050,20	m ²	50,47
III	Đất công viên + Hoa viên	4.944,50	m ²	7,79
V	Đất công cộng hiện trạng	2.503,40	m ²	3,94
VI	Đất công cộng mới	806,70	m ²	1,27
	Tổng diện tích quy hoạch	63.508,80	m²	100%

6. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.

6.1. San nền:

Căn cứ theo cao độ địa hình hiện trạng, cao độ khu vực nền xung quanh và cao độ mặt đường theo quy hoạch, tiến hành đắp đất mặt bằng theo hướng dốc từ bắc sang nam, chiều cao đắp đất trung bình san nền thấp hơn cao độ tại tim đường ĐT636 (cao trình 11,30) là 0,2m, chiều cao đất đắp san nền bình quân 1,1m.

6.2. Thoát nước mưa:

Hệ thoát nước thiết kế thoát từ bắc sang nam bằng hệ thống cống BTLT ngầm nằm dưới vỉa hè của hệ thống giao thông. Hệ thống thu nước mặt đường được đầu nối vào các hố ga và hố thu dọc theo vỉa hè mặt trước đất phân lô của các tuyến đường giao thông và được đầu nối hệ thống cống dọc phía nam đường ĐT636 thoát ra mương tiêu phía nam khu dân cư.

Sử dụng hệ thống hố ga thu nước mặt, thoát nước qua đường sử dụng hệ thống cống BTCT ly tâm tải trọng H30, thoát nước dọc tuyến sử dụng cống BTCT ly tâm H10, cống BTLT theo tiêu chuẩn sản xuất.

* Quy mô xây lắp:

TT	Loại chịu lực	Loại cống BTLT			
		D 600 (m)	D 800(m)	D 1000(m)	D 1200(m)
1	H10	1.047	119	68	408
2	H30	580	50	370	67
Tổng cộng		2.709 (m)			
Hố ga		90 Hố			
Cửa xả		01 cái			

6.3. Thoát nước thải :

- Vạch tuyến cống thoát nước thải hình nhánh cây theo nguyên tắc tự chảy từ cao đến thấp, đến từng hộ gia đình, để thu gom và vận chuyển nước thải về trạm xử lý của thị xã trong tương lai.

- Cống thoát nước thải được sử dụng là cống gân xoắn HDPE đường kính ống D300 có tổng chiều dài khoảng: 2700m, miệng xả: 01 cái.

6.4. Hệ thống mương tưới :

Hoàn trả hệ thống tưới của trạm bơm An Hòa bằng hệ thống cống BTLT D600, H10 và D1200, H10 có hố ga kiểm tra (khoảng cách 40m/ hố) nằm dưới vỉa hè của đường DS3 và đường DS7.

6.5. Giao thông:

STT	Tên đường	Chiều dài (m)	Lộ giới(m)		
			Mặt đường (m)	Vỉa hè (m)	Tổng cộng (m)
1	ĐS1(Đường gom)	297,59	8,00	2x3	14,00
2	ĐS2	240,18	8,00	2x3	14,00
3	ĐS3	296,54	8,00	2x3	14,00
4	ĐS4	272,00	10,00	2x5	20,00
5	ĐS5	272,00	8,00	2x3	14,00
6	ĐS6	138,98	8,00	2x3	14,00
7	ĐS7	245,22	10,00	2x5	20,00
8	ĐS8	61,00	8,00	2x3	14,00
9	ĐS9	172,00	8,00	2x3	14,00
Tổng cộng		1.995,51			

6.6. Cấp nước:

Hiện tại chưa có hệ thống cấp nước sạch, trước mắt sử dụng hệ thống nước ngầm xử lý đạt tiêu chuẩn để sử dụng cho khu quy hoạch, tương lai đấu nối với hệ thống cấp nước sạch của thị xã.

6.7. Cấp điện:

Nguồn điện: Từ đường dây trung thế 22KV chạy dọc tuyến đường ĐT636, xây dựng mới một trạm biến áp công suất 500KVA (ở vỉa hè phía đông nút N14, đường ĐT7) để cung cấp điện cho khu quy hoạch.

6.8. Vệ sinh môi trường:

Rác thải tập kết trước nhà, xe thu gom đến thu gom đến thu gom vận chuyển đến bãi xử lý rác tập trung của thị xã.

7. Kinh phí khảo sát địa hình và thiết kế quy hoạch:

7.1. Dự toán kinh phí khảo sát địa hình và thiết kế quy hoạch:

Tổng dự toán kinh phí	: 185.174.000 đồng
- Khảo sát địa hình	: 63.733.000 đồng
- Chi phí lập TKQH tỷ lệ 1/500	: 86.614.000 đồng
- Chi phí lập NVQH	: 12.213.000 đồng
- Chi khác	: 22.614.000 đồng

(Cụ thể có bảng tổng hợp kinh phí thẩm định kèm theo)

7.2. Nguồn vốn thiết kế quy hoạch: Vốn ngân sách nhà nước.

8. Thời gian thực hiện: Năm 2020

9. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt : UBND thị xã An Nhơn.
- Cơ quan thẩm định : Phòng Quản lý đô thị thị xã An Nhơn.
- Chủ đầu tư : UBND xã Nhơn Khánh.
- Tư vấn thiết kế : Công ty TNHH TV&XD TH Dư Quyền.

Điều 2. Quyết định này làm căn cứ để tiến hành lập dự án đầu tư thiết kế kỹ thuật và giao đất xây dựng theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Mọi thay đổi về giới hạn địa điểm, quy mô và nội dung quy hoạch phải thông qua Phòng Quản lý đô thị thẩm định, trình UBND thị xã phê duyệt mới được thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã, Trưởng các Phòng Quản lý đô thị, Phòng Tài nguyên-Môi trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã, Chủ tịch UBND xã Nhơn Khánh và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT & các PCT UBND thị xã (để biết);
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Lê Thanh Tùng

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số Chứng thực: 24..... Quyển: 1...
Ngày 23 tháng 1 năm 2024...
Chức vụ: Chủ tịch UBND xã Nhơn Khánh



Đặng Văn Lực

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Công trình: Khu dân cư thôn Thiết Tràng xã Nhơn Mỹ năm 2019
Địa điểm: Xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung 37 Luật có liên quan đến quy hoạch số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về Lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/03/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 35/2020/QĐ-UBND, ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh Bình Định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 6078/QĐ – UBND ngày 24/9/2019 của UBND thị xã An Nhơn về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 công trình: Khu dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ năm 2019;

Xét đề nghị của UBND xã Nhơn Mỹ tại Tờ trình số 134/TTr-UBND ngày 24/11/2020 về việc thẩm định điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 công trình Khu dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ năm 2019 và đề nghị của Phòng Quản lý đô thị thị xã tại Kết quả thẩm định số 59/TĐ - QH ngày 04/12/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 công trình Khu dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ năm 2019, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Nội dung điều chỉnh:

- Điều chỉnh cục bộ diện tích lô C07 có diện tích 134,5m² thành lô C07 có diện tích 185,40m².
- Điều chỉnh cục bộ diện tích lô B06 có diện tích 140,1m² thành 140,8m² và lô B07 có diện tích 122,0m² thành 123,4m².

2. Lý do điều chỉnh:

- Điều chỉnh cục bộ diện tích lô đất số C07 khu C dọc đường DS2 để tái định cư cho hộ bị giải phóng mặt bằng tại vị trí đường dẫn cầu vượt lũ sông Kôn.
- Điều chỉnh cục bộ diện tích lô B06 và lô B07 do sai lỗi số học.

3. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 6078/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của UBND thị xã An Nhơn về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 công trình: Khu dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ năm 2019.

4. Tổ chức thực hiện:

- Cơ quan phê duyệt điều chỉnh đồ án QH: UBND thị xã.
- Cơ quan thẩm định điều chỉnh đồ án QH: Phòng Quản lý đô thị thị xã
- Chủ đầu tư: UBND xã Nhơn Mỹ.
- Tư vấn lập điều chỉnh cục bộ TKQH: Công ty TNHH TV - XD Toàn Thắng

Điều 2. Quyết định này làm căn cứ để tiến hành giao đất xây dựng theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Mọi thay đổi về giới hạn địa điểm, quy mô và nội dung quy hoạch phải thông qua Phòng Quản lý đô thị thẩm định, trình UBND thị xã phê duyệt mới được thực hiện.

Điều 3. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 6078/QĐ-UBND ngày 24/9/2019 của UBND thị xã An Nhơn và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã, Trưởng các Phòng Quản lý đô thị, Phòng Tài nguyên-Môi trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Giám đốc Ban Quản lý dự án ĐTXD & PTQĐ thị xã, Chủ tịch UBND xã Nhơn Mỹ và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT & các PCT UBND thị xã (để biết);
- Lưu: VT. A

CHỦ TỊCH



Lê Thanh Tùng

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN NHƠN
Số 60/VQĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
An Nhơn, ngày 24 tháng 9 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500

Công trình: Khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ năm 2019.

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 32/2009/TT-BXD ngày 10/9/2009 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 14: 2009/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/03/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 5328/QĐ-UBND ngày 15/8/2019 của UBND thị xã An Nhơn về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch và dự toán chi phí quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ năm 2019;

Căn cứ Công văn số 21/UBND ngày 09/01/2019 của UBND thị xã An Nhơn về việc cho chủ trương lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ năm 2019;

Kết đề nghị của UBND xã Nhơn Mỹ tại Tờ trình số 104/TTr-UBND ngày 17/9/2019 về việc đề nghị thẩm định và phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ năm 2019 và đề nghị của Phòng Quản lý đô thị thị xã tại Kết quả thẩm định số 18/TĐ-QH ngày 19/9/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ năm 2019, với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên công trình QHXD: Khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ năm 2019.

2. Vị trí và ranh giới quy hoạch xây dựng: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu quy hoạch dân cư thôn Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ năm 2019, có giới cận như sau:

- Phía Đông giáp đường quy hoạch;
- Phía Tây giáp đường vào trung tâm xã;
- Phía Bắc giáp đường hiện trạng;
- Phía Nam giáp dân cư hiện trạng.

3. Qui mô quy hoạch xây dựng:

Quy hoạch xây dựng : 1,9915ha, dân số dự kiến 440 người.

4. Mục tiêu QHXD:

- Cụ thể hóa định hướng quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị vệ tinh xã Nhơn Mỹ; đồ án quy hoạch chung xã nông thôn mới xã Nhơn Mỹ đã được UBND thị xã phê duyệt nhằm phát triển quỹ đất ở mới, giải quyết nhu cầu đất ở cho người dân địa phương; đồng thời tạo nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xã nông thôn mới.

- Làm cơ sở để quản lý xây dựng theo quy hoạch được phê duyệt...

5. Cơ cấu quy hoạch sử dụng đất:

Tổng diện tích đất sử dụng : 19.915m²=1,9915 ha

+ Đất ở nhà liền kề : 11.583,20m²

+ Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật : 8.331,80m²

6. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.

6.1. San nền:

Cao độ san nền tối thiểu khu quy hoạch phải phù hợp với cao độ hiện trạng đã có khu vực liền kề để đảm bảo kiến trúc cảnh quan chung khu vực đồng thời thoát nước mưa, nước mặt tự chảy. Cao độ san nền cụ thể của từng khu như sau:

Khu A và B: Cốt san nền không chế nút N9 biến đổi từ +23.20m về nút N8: +21.90m; Nút N7: +20.50m

Khu C và D: Cốt san nền không chế nút N7 biến đổi từ +20.50m không chế nút N5: +18.00m (phía Nam); Phía Bắc khu C và D không chế từ tây sang đông: Từ +19.20m -> +15.20m.

6.2. Giao thông

- Đường DS1 dài 74,10m (4,5m - 11m - 4,5m); cốt không chế mặt đường tại khu quy hoạch là +23.20m.

- Đường DS2 dài 223,90m (3,5m - 7,0m - 3,5m); cốt mặt đường không chế phía Tây giáp đường DS1 là +23.20m, phía Đông giáp đường DS6 cốt không chế +18.00m

- Đường DS3 dài 49,00m (3m - 6m - 3,0m); cốt không chế mặt đường tại DS3 là +21.90m -> +20.00m.

- Đường DS4 dài 102,7m (3,5m - 7m - 3,5m); cốt không chế mặt đường tại nút N7 là +20.50m ; tại N2 là +19.20m;

- Đường DS5 dài 102,7m (3,5m - 7m - 3,5m); cốt không chế mặt đường nút N6 là +19.00m ; tại N3 là +17.20m.

- Đường DS6 dài 102,7m (3,5m - 7m - 3,5m); cốt không chế mặt đường nút N5 là +18.00m ; tại N4 là +15.20m.

- Đường DS7 dài 228,6m (3,5m - 7m - 3,5m); cốt không chế mặt đường nút N1 là +20.70m ; tại N4 là +15.20m.

BẢNG THỐNG KÊ CHI TIẾT ĐƯỜNG GIAO THÔNG

TT	Ký hiệu đường	Chiều dài (m)	Chiều rộng lộ giới (m)
1	Đường DS1 từ nút N1-N9	74,10	20m(4,5 - 11,0 - 4,5)
2	Đường DS2 từ nút N5 - N9	223,90	14m(3,5- 7,0 - 3,5)
3	Đường DS3 từ nút N8 - N10	49,00	12m(3- 6,0 - 3,0)
4	Đường DS4 từ nút N2-N7	102,70	14m(3,5- 7,0 - 3,5)
5	Đường DS5 từ nút N3-N6	102,7	14m(3,5- 7,0 - 3,5)
6	Đường DS6 từ nút N4-N5	102,7	14m(3,5- 7,0 - 3,5)
7	Đường DS7 từ nút N1-N4	228,6	14m(3,5- 7,0 - 3,5)
	Tổng cộng	883,70	

6.3. Cấp nước:

Quy hoạch đường ống cấp nước sinh hoạt cho khu dân cư thôn Thiêt Tràng năm 2019, đặt trên vỉa hè các tuyến đường nội bộ khu dân cư. Trước mắt, sử dụng nguồn nước từ giếng khoan tại chỗ để cấp cho các hộ gia đình; lâu dài khi có hệ thống nước sạch cấp cho trung tâm xã Nhơn Mỹ sẽ đầu nối vào khu dân cư để sử dụng.

6.4. Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện cấp vào khu dân cư: Đầu nối vào tuyến tây 22KV nằm cách khu dân cư 250m trên đường An Tràng – Tây Vinh.

- Xây dựng mới trạm biến áp 160KVA đặt trên vỉa hè phía Nam của đường D32, trạm biến áp hồ không có tường rào bao che

6.5 Thoát nước mặt và vệ sinh môi trường:

6.5.1. Thoát nước mưa, nước mặt:

Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa bằng cống puy ly nằm đặt bên dưới vỉa hè các tuyến đường nội bộ.

6.5.2. Vệ sinh môi trường:

Rác thải tập kết trước nhà, xe thu gom đến thu gom đến thu gom vận chuyển đến bãi xử lý rác tập trung của thị xã.

7. Kinh phí quy hoạch :

7.1. Dự toán kinh phí thiết kế quy hoạch:

Tổng dự toán kinh phí	: 60.843.000 đồng
- Khảo sát địa hình	: 22.685.000 đồng
- Chi phí lập NVQH và TKQH tỷ lệ 1/500	: 30.994.000 đồng
- Chi khác	: 7.164.000 đồng

Trong đó:

+ Chi phí thẩm định nhiệm vụ đồ án QH	696.000 đồng
+ Chi phí thẩm định đồ án QH	2.237.000 đồng
+ Chi phí quản lý nghiệp vụ QH	2.617.000 đồng
+ Chi phí công bố quy hoạch (tạm tính)	814.000 đồng

7.2. Nguồn vốn thiết kế quy hoạch: Vốn ngân sách nhà nước.

8. Thời gian thực hiện: Năm 2019

9. Tổ chức thực hiện:

- Phê duyệt NVQH & TKQH : UBND Thị xã An Nhơn.
- Thẩm định NVQH & TKQH : Phòng Quản lý đô thị thị xã An Nhơn.
- Chủ đầu tư : UBND xã Nhơn Mỹ.
- Tư vấn lập NVQH & TKQH : Công ty TNHH TV - XD Toàn Thắng

Điều 2. Quyết định này làm căn cứ để tiến hành lập dự án đầu tư thiết kế kỹ thuật và giao đất xây dựng theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

Mọi thay đổi về giới hạn địa điểm, quy mô và nội dung quy hoạch phải thông qua Phòng Quản lý đô thị thẩm định, trình UBND thị xã phê duyệt mới được thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND và UBND thị xã, Trưởng các Phòng Quản lý đô thị, Phòng Tài nguyên-Môi trường, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã, Chủ tịch UBND xã Nhơn Mỹ và Thủ trưởng

các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký. / *U*

Nơi nhận:

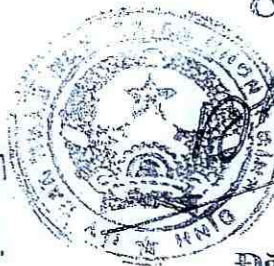
- Như Điều 3;
- CT & các PCT UBND thị xã (để biết);
- Lưu: VT. *An*

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số CT: 978 Quyển: 01

Ngày 27-11-2019

CHỦ TỊCH



Đặng Vinh Sơn



CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Tár

